

LUẬN A TỶ ĐẠT MA THUẬN CHÁNH LÝ

QUYỂN 9

Phẩm 2: NÓI VỀ SỰ SAI KHÁC (PHẦN 1)

Như thế, nhân nơi giới đã liệt kê các căn. Nay, ở đây lại nên tư duy lựa chọn.

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn nói riêng tên căn?

Đáp: Ở giới nội hoàn toàn và một phần pháp, y theo nghĩa tăng thượng, nói riêng là căn. Trong các sự của căn kia, vì được tăng thượng, nên đây là nghĩa tăng thượng. Nghĩa giới là rõ rệt thành tựu. Giới nghĩa là y địa, hoặc nói là nhãn địa, tự tại hơn hết là nghĩa y địa, soi rọi sáng tỏ, là nghĩa nhãn địa, chỉ sự tăng thịnh rõ rệt này gọi là căn.

Ý này chỉ chung hai mươi hai căn, là tác dụng tăng thượng trong các nhóm. Vì các pháp so với nhau, mỗi pháp đều có dụng tăng thượng lẽ ra đều gọi là căn. Nhưng vì tăng thượng nhất nên thành nghĩa nói riêng. Như Sư tử chúa, trưởng thôn ấp, vua Chuyển luân v.v... là nhất đối với các thú, thôn ấp, bốn thiên hạ v.v... vì rất tăng thượng. Sự rất tăng thượng này, là cái gì đối với cái gì? Tụng nói:

Truyền thuyết năm đối bốn

Bốn căn đối hai thứ

Năm, tám trong nhiễm, tịnh

Đều riêng làm tăng thượng.

Luận nói: Chẳng phải tất cả căn đều là rất tăng thượng đối với một việc. Năm căn như nhãn căn v.v... đều có tác dụng tăng thượng đối với bốn việc:

1. Trang nghiêm thân.
2. Dẫn dắt, nuôi dưỡng thân.
3. Sinh thức v.v...
4. Sự không chung.

Trang nghiêm thân: Nghĩa là tùy theo thiếu bất cứ một căn nào

trong năm căn, thì thân xấu xí. Dẫn dắt, nuôi dưỡng thân, nghĩa là nhờ thấy, nghe, để tránh tai nạn nguy hiểm. Và đối với đoạn thực, vì hay thọ dụng, nên cả ba hương, vị, xúc đều thành đoạn thực, như có bài tụng nói:

*Ví như người mắt sáng
Tránh được các hiểm nạn
Đời có người thông minh
Là được các khổ ác.
Học rộng rõ được pháp
Học rộng là tội lỗi
Học rộng bỏ vô nghĩa
Học rộng được Niết-bàn.
Thân do ăn trụ
Mạng nhờ ăn còn
Ăn rồi khiến tâm
Vui thích an lạc.*

Sinh thức: Là phát năm thức và pháp tương ứng, tùy theo căn, chỗ dựa, vì có sáng, tối.

Sự không chung: Nghĩa là nhận lấy cảnh mình, vì thấy, nghe, ngửi, nếm, nhận biết rõ cảnh riêng.

Có thuyết nói: Mắt, tai đối với sinh thân, pháp thân, hay gìn giữ, như thứ lớp mắt, tai kia có tác dụng tăng thượng. Hai tụng trước, chứng minh điều này.

Có thuyết nói: Mắt, tai đều có công năng gìn giữ hai thân: sinh thân và pháp thân, gần gũi bậc thiện sĩ, lắng nghe chánh pháp, vì mắt, tai đều làm một tăng thượng, ý, mạng, nữ căn, nam căn đều có tác dụng tăng thượng đối với hai việc. Và lại, hai tăng thượng của hai nam căn, nữ:

1. Hữu tình khác.
2. Phân biệt khác.

Hữu tình khác: Nghĩa là hữu tình ở kiếp sơ, hình loại đều bình đẳng. Hai căn sinh rồi, ấy là có sự khác nhau giữa hình loại nữ, nam.

Phân biệt khác. Nghĩa là đi, đứng, tiếng nói, vú, búi tóc v.v... sắp xếp khác nhau.

Có thuyết nói: Vì mạnh mẽ, yếu đuối có sự khác nhau nên gọi hữu tình khác. Vì y phục trang nghiêm có khác nhau, nên gọi phân biệt khác.

Có thuyết nói: Đối với hai phẩm nhiễm, tịnh này, vì có sức tăng

thượng, nên nói, đối với hai căn thọ bất luật nghi, khởi nghiệp vô gián, vì đoạn thiện căn, nên gọi là đối với phẩm nhiễm, có sức tăng thượng, có thể thọ luật nghi, nhập đạo, đắc quả và lìa dục, nên gọi có sức tăng thượng, đối với phẩm tịnh. Thân hoàng môn không có việc như thế. Mạng căn tăng thượng đối với hai hữu, là do đó, nên lập ra các căn và căn sai khác, vì do đây có, nên kia có, vì đây không có, nên kia không có, hoặc đối với chúng đồng phần, có khả năng nối tiếp và công năng duy trì, đối với cõi Vô sắc, chủ yếu là có mạng căn, mới có sinh xứ quyết định. Người kia khởi tâm nhiễm ô nơi tự địa thiện, hoặc khởi tâm khác, vì chẳng phải qua đời, nên ý căn tăng thượng đối với hai hữu, nghĩa là công năng nối tiếp hữu sau. Và tự tại tùy hành động, có thể nối tiếp hữu sau, nghĩa là như Đức Thế Tôn bảo A-nan-đà: Nếu thức không vào trong thai mẹ, thì với tinh huyết có được thành yết-thích-lam hay không?

Không, bạch Đức Thế Tôn! Cho đến nói rộng.

Tự tại tùy hành động, như Khế kinh nói:

Tâm dẫn dắt thế gian

Tâm hay nhiếp thọ khắp

Một pháp tâm như thế

Đều tự tại tùy hành.

Có thuyết nói: Ý căn có sức tăng thượng đối với phẩm nhiễm, tịnh, nên nói đối với hai, như Khế kinh nói: Vì tâm tạp nhiễm, nên hữu tình tạp nhiễm, vì tâm thanh tịnh, nên hữu tình thanh tịnh. Năm thọ như thọ lạc v.v... tám căn như tám căn v.v... có sức tăng thượng đối với nhiễm, tịnh, nghĩa là năm thứ như lạc v.v... đối với tăng thượng nhiễm, vì sự được nương tựa của tùy miên tham v.v...

Có thuyết nói: Ý căn này đối với hai phẩm nhiễm, tịnh, đều có tăng thượng, nói là vì ham vui, vì xuất ly y, vì vui nên tâm định, khổ vì tín y v.v... Vì trong Khế kinh nói, nên tám căn như tám căn v.v... đối với tăng thượng tịnh. Như Khế kinh nói: Thánh đệ tử của ta có niềm tin như tường vách, có thể lực siêng năng, có nhớ nghĩ phòng vệ, tâm định giải thoát, tuệ làm dao, gươm, cho đến nói rộng. Trong tâm đây thâm nhiếp ba căn sau. Ý căn kia đối với định của phẩm tịnh có tăng thượng.

Truyền thuyết ban đầu nói: Vì biểu thị sau niềm vui, mà nói, nghĩa là hoặc có thuyết nói: Hay dẫn dắt, nuôi dưỡng thân, chẳng phải công dụng của mắt v.v... là thức tăng thượng, chủ yếu do các thức hiểu rõ cảnh trái, thuận mới có thể tránh khỏi tai nạn nguy hiểm. Và vì thọ đoạn thực, tức thuyết kia lại cho rằng, hay thấy sắc v.v... không

có công năng chung cũng chẳng phải thức khác, nên sự không chung, đối với căn nhãn v.v... không thể lập làm dụng tăng thượng riêng, nên chẳng phải do nhãn v.v... này trở thành căn.

Nếu như thế thì thế nào? Tụng nói:

Tăng thượng liễu biệt cảnh

Lập chung ở sáu căn

Từ thân lập hai căn

Tánh nữ, nam tăng thượng.

Vì đồng trụ tạp nhiễm

Và tăng thượng thanh tịnh

Nên biết mạng năm thọ

Lập tín v.v... làm thành căn.

Vị đương tri, dĩ tri

Cụ tri căn cũng thế

Vì đắc đạo kế tiếp

Như Niết-bàn ...tăng thượng.

Luận nói: Rõ cảnh mình: nghĩa là thân sáu thức. Năm căn như nhãn căn v.v... đối với công năng phân biệt rõ, đều là biệt cảnh thức (nhân thức cảnh riêng) có tác dụng tăng thượng. Ý căn thứ sáu đối với công năng phân biệt rõ, nhận thức tất cả cảnh, vì có tác dụng tăng thượng, nên sáu căn như nhãn căn v.v... đều lập làm căn, nhưng không có lỗi cảnh giới cũng thành lỗi căn. Do các căn như nhãn căn v.v... với thức, công năng phân biệt rõ tất cả cảnh, vì làm nhân chung, nên thức tùy theo căn, có sáng suốt, mê muội.

Thuyết này nói phi lý, vì căn đồng phần kia, lẽ ra chẳng phải căn, há không là lỗi lầm này ông cũng có ư? Ta không có lỗi này. Vì ta nói về trang nghiêm thân có tăng thượng. Lại, chẳng phải tất cả thức và công năng phân biệt rõ tất cả sắc, làm tánh của nhân chung, vì các căn sát-na diệt, nên thức nhận biết rõ các sắc, vì không cùng sinh (câu sinh).

Nếu nói loại mắt không có khác nhau, thì sắc lẽ ra cũng đồng vì loại không có khác.

Nếu cho rằng chủng loại xanh, vàng khác nhau, thì mắt cũng nên như thế, vì có dị thực sinh và loại được nuôi lớn không đồng. Thức chỉ tùy theo căn có sáng suốt, tối tăm thì căn này cũng chẳng phải nhân, vì thể của thức sinh rồi, mới có thể được có tùy theo vào sự sáng suốt, tối tăm của căn. chẳng hạn, thức chưa sinh, khiến sinh thức v.v... tăng thượng, vì tùy theo thiếu bất cứ một thứ nào, thì sẽ bất sinh. Hoặc thức

vì tùy theo căn sáng suốt, mê muội, nên về nghĩa dẫn dắt, nuôi dưỡng thân, lẽ ra phải thừa nhận ở căn. Nếu tác dụng của mắt tăng sẽ tùy theo phát thức vượt hơn, có thể tránh khỏi tai nạn nguy hiểm, dẫn dắt, nuôi dưỡng thân. Nếu tác dụng của nhãn vi tế thì tùy theo phát thức yếu kém, không hiểu rõ tai nạn nguy hiểm, vì khiến cho thân điên đảo, đọa lạc, nên dẫn dắt, nuôi dưỡng thân, ở căn, chẳng phải thức.

Lại, trong đây có một ít gì khác?

Môn trước đã biểu thị các căn như nhãn căn v.v... phát thức như nhãn thức v.v... và pháp tương ứng. Nay, trong môn này, lược một phần ấy, chẳng phải đã được thấy, đâu đủ sinh ưa thích. Đây không có nghĩa riêng, thì không nên nói lại. Lại, ông đã nói: Công dụng thấy sắc v.v... chẳng phải khác với thức. Điều này cũng không đúng. Công năng thấy v.v... của thức, vì trước đã ngăn dứt, nên cho dựa vào nhãn thức, chẳng phải thể của chủ thể thấy, với thức nhĩ, vì loại không có khác.

Các vấn nạn như thế v.v..., nói rộng như trước.

Lại, nói từ thân lập hai căn. Nghĩa là vì trong tánh nữ, tánh nam có tăng thượng, nên nói là tăng thượng nữ căn trong tánh nữ, tăng thượng nam căn trong tánh nam.

Tánh nữ, nam, nghĩa là nữ và nam, tiếng, giọng, loại hình của hai thân, chí hướng ưa thích tạo nghiệp đều khác. Thể của nữ căn nam căn không lìa thân căn, vì đặt tên này trong một phần thân, phần ít chỗ này khác với thân căn của chỗ khác, nghĩa là một phần thân căn của cõi Dục này chỉ có thể làm nương tựa, phát tham đều khởi thân thức bất thiện, nên từ thân căn lập riêng làm hai. Phần vị đầu tiên của kiếp, mặc dù có thân căn, nhưng không có sự đồng, khác giữa thân hình nữ, nam, nên từ thân hình kia lập riêng hai căn. Việc này cũng chưa vượt qua nghĩa trong môn trước. Ở trước nói: Hai căn đối với hữu tình khác và phân biệt khác, vì có tăng thượng.

Lại, nói mạng căn, năm thọ, tín v.v... trụ ở phần đồng và trong nhiễm tịnh, như thứ lớp của năm thọ kia, có tác dụng tăng thượng lập làm căn. Vì việc này so với môn trước, cũng không khác, cho nên không nói lại.

Lại, nói ba căn vô lậu cũng thế. Đối với đắc hậu, Niết-bàn v.v... của đạo sau, có dụng tăng thượng, nghĩa là căn thứ nhất, đối với được dụng tăng thượng của hữu thứ hai, căn thứ hai đối với được dụng tăng thượng của hữu thứ ba, căn thứ ba này đối với được dụng tăng thượng của hữu Niết-bàn. Chẳng phải vì lìa căn này mà chứng được Niết-bàn kia, cũng không khác trước, nên không có nhọc công nói lại, tức là đối

với tịnh, có tăng thượng.

Lại, Kinh chủ giải thích, cũng với lời lẽ như thế, nghĩa là giống như biểu thị mỗi pháp đều có thể làm căn, cũng không đúng, không nên hoài nghi. Do hậu đắc Niết-bàn v.v... đạo sau, vì tăng thượng mà nói nên nghĩa riêng đã thành, không nên ở trong đó lại sinh nghi.

Nếu nói về loại tánh không có khác nhau, nên sinh nghi, về lý cũng không hợp, vì kiến, tu, Vô học ba địa đều khác, không có thấu tóm lẫn nhau, không thể sinh nghi, nếu có sinh nghi, hậu đắc, về sau v.v... đã phân biệt, thì phiền gì làm rõ loại? Mặc dù đồng tánh chín căn không có khác nhau, nhưng vì sức tăng thượng có khác nhau, nên đâu chấp nhận sự ngờ vực của người kia, lẽ ra là một căn, chẳng phải nam căn, nữ. Vì thấy nổi nghi ngờ này, nay sẽ giải thích:

Thuyết kia nói: Lại có nghĩa riêng, nghĩa là chỉ rõ lìa chín, không có ba căn riêng, như từ thân căn, lập riêng nam, nữ. Lìa thể của thân căn, không có hai căn riêng, ba căn cũng như thế. Mặc dù từ nghĩa riêng của chín căn kiến lập, nhưng chẳng lìa chín căn, có ba căn riêng.

Giải thích này hợp lý. Kinh chủ lại giải thích: Những lời nói vì biểu thị sáng tỏ, lại có môn khác. Thế nào là môn khác? Nghĩa là trong phiền não diệt, do Kiến đạo đoạn và Tu đạo đoạn.

Như thứ lớp của kiến, tu kia, vị tri, đương tri và dĩ tri căn, có dụng tăng thượng. Cách giải thích này cũng không đúng. Chỉ đạo Vô gián, gọi tăng thượng, nghĩa là gồm nhiếp đạo gia hạnh, giải thoát, thắng tiến trong kiến, Tu đạo, nên không gọi căn. Nếu chung bốn đạo đều tăng thượng, Đạo Loại trí v.v... thuận phần quyết trạch, ở trong phiền não diệt do Kiến đạo đoạn, có tăng thượng, lẽ ra thuộc căn đầu tiên, tánh dĩ tri căn nên thấu nhiếp đạo thứ ba, vì lỗi quá nhiều chẳng phải là khéo giải thích. Nay, dùng nghĩa riêng để giải thích những lời nói kia, nghĩa là tuệ vô lậu đối với các đế lý, trước kia chưa hiện quán, nay được hiện quán, có sức tăng thượng, lập căn thứ nhất. Nếu tuệ vô lậu đã được hiện quán, phiền não còn lại, dần dần dứt hẳn, gia hạnh hy vọng cũng chưa đầy đủ, có sức tăng thượng, lập căn thứ hai. Nếu tuệ vô lậu đã lìa phiền não, đối với các hiện pháp lạc trụ vô lậu, có sức tăng thượng, lập căn thứ ba, tuệ làm hàng đầu, vì đủ ba hiện quán, nên lại nói tuệ, tám căn còn lại, giúp thành. Về lý, thật ra căn đã được lập, cũng chung đủ hai, nghĩa là há chẳng phải là Nhãn trong đây, đối với đế lý đã được hiện quán. Bấy trí ở giữa, vì hiện quán lập lại, nên chẳng phải thuộc về căn thứ nhất. Lại, vì nhãn cách ly, nên chẳng phải thuộc về thứ hai. Đạo Giải thoát này lẽ ra không gọi căn, vì trong dĩ tri căn cũng có đế

lý, trước kia chưa hiện quán, nay vì hiện quán, nên căn đã lập trở thành lẫn lộn.

Cách giải thích này đều không có lỗi, vì kiến, trí hiện quán có sai khác, như tuệ thể gian đối với các thánh đế đã được hiện quán, vẫn nói là vô lậu, trước kia chưa hiện quán, nay được hiện quán.

Lại, như khổ, tập, thể dù là một vật, mà hành tướng nhau, hiện quán có riêng. Nếu đối với đế lý, chưa xem xét, quyết định nghĩa là chỉ thấy hiện quán, nếu đã xem xét quyết định, mới được gọi là trí kiến hiện quán, nên bảy trí kia cũng được gọi là trước chưa hiện quán, nay được hiện quán, nhưng Đạo Loại trí không đồng với lỗi lầm này. Mặc dù một sát-na đồng với bảy trí, nhưng sự nối tiếp nhau sau, vì đều có khác, nên như nhiều niệm sau, gọi là dĩ tri căn, chẳng phải địa vị Kiến đạo. Sát-na của bảy trí, có người hiện quán lập lại ở đế lý, nên sát-na này với Sát-na kia, không nên so sánh đồng. Nhưng Tận trí v.v... như sát-na thứ nhất, nối tiếp nhau cũng thế, đều có công năng gìn giữ, phiền não bị hại do Kim cương dụ định. Các ly hệ đắc, vì khiến nối tiếp nhau, cho nên Kinh chủ không nên đồng với không có lỗi ở đây.

Lại, Đạo Loại trí, đối với cảnh nơi đối tượng quán, dù một Sát-na chưa hiện quán, nhưng đối với cảnh đạo vô lượng Sát-na, vì đã được hiện quán, nên ít theo nhiều, đối với tất cả cảnh đều gọi là hiện quán, trở thành dĩ tri căn, chẳng phải vượt qua biển cả, hoặc núi Diệu cao, vì chỉ còn lượng nhỏ như hạt cải chưa thể vượt qua, có thể gọi là người ấy chưa được vượt qua, điều này cũng nên như vậy.

Các sư phương Tây nói về Đạo Loại trí, cũng là thuộc về vị tri, đương tri căn. Nếu đối với cách giải thích kia, thì lỗi này hoàn toàn không có, nên ta đã nói: Không có hai lỗi trước. Nếu vì tăng thượng, nên lập làm căn, thì hai pháp thọ, tướng trong các phiền não của phẩm kiến, ái có tác dụng tăng thượng. Tướng lẽ ra như thọ, cũng lập làm căn.

Lại, các phiền não với khả năng tổn hoại trong phẩm thiện v.v... có tác dụng tăng thượng, nên thành thể của căn.

Lại, vì vượt hơn hết, nên kiến lập các căn. Niết-bàn vượt hơn trong tất cả pháp.

Vì sao không lập Niết-bàn làm căn? Lại, Ca-tỳ-la ý nói đầy đủ tay, chân và chỗ đại tiện, cũng lập làm căn vì đối với lời nói, chấp giữ hành tướng và có thể buông bỏ, có tăng thượng.

Các việc như thế v.v... không nên lập căn, do đã thừa nhận căn có tướng như thế. Tụng nói:

*Chỗ dựa tâm sai khác
Trụ này, tạp nhiễm này
Tư lương này, tịnh này
Do lượng ấy lập căn.*

Luận nói: Chỗ dựa của tâm, sáu căn như nhãn căn v.v... sáu xứ trong đây là gốc hữu tình. Sự khác nhau của tướng này là do căn nữ, nam. Lại do mạng căn trụ một thời kỳ này, ở đây trở thành tạp nhiễm. Do năm thọ căn, tư lương tịnh này, do năm căn như tín căn v.v... Ở đây thành thanh tịnh. Do ba căn sau, do sự lập căn này việc đều rất ráo, không nên lại lập tướng v.v... làm căn. Vì lỗi của ái rất nặng trong các phiền não, nên chỉ lập thọ và mạng kia làm căn. Lỗi của ái nặng do Khế kinh nói: Vì ái và sáu xứ làm nhân của sự sinh, như Khế kinh nói: Do ái làm nhân, sáu xứ sinh khởi. Lại, tướng chẳng phải nhân sinh phiền não kiến, nhân khác phát sinh kiến điên đảo rồi, phân biệt giả tướng, giữ gìn khiến nối tiếp nhau, lừa chánh đối trị, không thể dứt, hoại, nên nói tướng này làm nhân với ái kia, thọ làm nhân của ái, đều có hai thứ, thọ vì vượt qua nhân của phiền não nặng, nên có cả hai nhân, nên lập riêng làm căn.

Có sư khác nói: Vì tướng bị pháp khác lẩn đoạt không lập làm căn nghĩa là các tướng thiện, chánh tuệ lẩn đoạt, các tướng nhiễm ô, điên đảo lẩn đoạt, vì chẳng phải tăng thượng, nên không lập làm căn. Lại, các phiền não cũng chẳng phải tăng thượng, vì thọ ở trong đó trở thành tăng thượng, nên chỉ thọ ở tăng thượng kia, có thể lập làm căn, hoặc gây tổn thất phẩm thiện, làm hủy hoại các quả vui, làm hại cho kém như uế.

Hỏi: Làm sao lập căn?

Đáp: Căn là pháp tăng thượng của thế gian. Lại, đối với các pháp, Niết-bàn dù vượt hơn, nhưng vì diệt các căn, nên không lập làm căn. Như đập bể các bình, đập bể chẳng phải là thể của bình. Lại, ngữ cụ v.v... cũng không gọi là căn, vì không nhất định, tạp loạn, lỗi lầm thái quá.

Lỗi lầm không nhất định: Ngữ cụ (công cụ nói) nào lập làm ngữ căn?

Có thể phát ra tiếng nói, gọi là ngữ cụ. Ngữ này chính là lưỡi.

Nếu vậy, lẽ ra pháp tâm tứ v.v... và công năng dẫn khởi các gió, ngữ nghiệp, cũng lập làm căn?

Vì công năng phát ngữ, nghĩa là tâm tứ v.v... dựa vào môi, răng, cổ họng v.v... duyên phát khởi tiếng nói, chẳng phải chỉ dựa vào lưỡi,

không có nhân khác. Lại, tầm tứ v.v... là nhân vượt hơn đối với phát ra tiếng nói. Lại, các tay, nách, ống sáo, dây đàn, hơi thổi v.v... đều có thể làm nhân phát ra ngôn âm, không nên chỉ lập lưỡi làm ngữ căn. Nếu cho rằng, rõ biết sắc cũng do lời nói, thì không nên chỉ lập riêng mắt làm căn! Về lý, tất nhiên không đúng, vì các người mù bẩm sinh, dù nghe nói sắc, nhưng họ không hiểu rõ sự khác nhau về màu xanh v.v... Tay đối với cầm lấy, không nên gọi căn, vì miệng v.v... cũng có thể cầm lấy vật, chân đối với cử động, đi, không nên gọi căn, vì loài rắn, cá v.v... không do ở chân đối với cử động đi. Chỗ phát ra đại tiện đối với công năng buông bỏ, không nên gọi căn, vì miệng v.v... cũng có thể buông bỏ. Phạm lỗi lẫn lộn nghĩa là căn được lập kia nên thành tạp loạn, vì miệng có thể vừa cầm lấy, và buông bỏ, tay chân đều có tác dụng cầm, đi, nên có lỗi lẫn tạp loạn như thế v.v... Lỗi thái quá: Theo như lập căn kia, lẽ ra không có hạn lượng. Nếu thiết căn, khác ngữ căn khác: Lẽ ra phải thừa nhận tứ căn và tức căn (căn thổi) khác nhau, như lưỡi có công năng nói, mũi có cả hơi thổi. Nếu lưỡi, mũi này với công năng kia có ít tác dụng, tức lập làm căn, tức là cổ họng, răng, môi, bụng v.v... đối với các việc nuốt, nhai, thâu nhiếp, gìn giữ v.v... vì có tăng thượng, nên lập làm căn. hoặc tất cả nhân, đối với sinh tự quả, đều tăng thượng, nên đều lập căn. Vì thế Ca-tỳ-la, như trẻ con chơi đùa, không nên thừa nhận các căn như ngữ cụ v.v... vì không nhất định, không có xen lẫn, vì rất tăng thượng.

Lại có sư khác nói riêng về tướng căn. Tụng nói:

*Hoặc nương tựa lưu chuyển
Cùng sinh, trụ, thọ dụng
Kiến lập mười bốn trước
Sau hoàn diệt, cũng thế.*

Luận nói: Hoặc nói rõ, đây là lối chấp của sư khác: Sư kia căn cứ ở sinh tử lưu chuyển, hoàn diệt. Đối tượng nương tựa vượt hơn hết, thọ dụng sinh trụ, vì có tăng thượng, nên kiến lập các căn, sinh tử nối tiếp nhau, là nghĩa lưu chuyển, đối tượng nương tựa của lưu chuyển, nghĩa là sáu xứ bên trong: Nhãn v.v... nhất định là tự tánh lưu chuyển kia, nên sinh do hai căn nữ, nam làm duyên. Vì nữ, nam kia được sinh, nên trụ do mạng căn, là trạng thái nối tiếp nhau kia, vì không đoạn nhân, nên tạo sự thọ dụng do thọ, năm thọ làm duyên, vì chuyển tổn ích, nên ở trong lưu chuyển, vì căn cứ vào bốn thứ tác dụng vượt hơn này, nên lập mười bốn căn. Trong vị hoàn diệt, vì cũng căn cứ ở bốn tác dụng cao siêu này, nên lập tám căn khác, sự sinh tử ngừng dứt, là nghĩa hoàn diệt, tức là

sáu xứ, rốt ráo đoạn diệt.

Tám căn này được nghĩa chỗ nương tựa, nghĩa là năm căn như tín căn v.v... vì là nhân tối thắng của tất cả thiện căn sinh trưởng, nên căn vô lậu đầu tiên, có công năng sinh đặc thiện căn này trong nhóm chánh định. Vì sự sinh đầu tiên, kế là căn vô lậu, khiến đắc này trụ, do thời gian dài kia, nối tiếp nhau khởi, căn vô lậu sau, khiến được thọ dụng hiện pháp lạc trụ. Vì sự thọ dụng kia đã rõ rệt, chẳng phải như nghiệp phiền não với sáu xứ trong, làm nhân của sự sinh, nên cũng lập làm căn, mỗi mỗi đều khác, vì không có công năng.

Nếu như vậy, thì nhân v.v... nên cũng chẳng phải căn, ý, hỷ, lạc, xả, lẽ ra chẳng phải vô lậu. Năm căn như tín căn v.v... nên chẳng phải hữu lậu. Căn cứ thiên về tăng thượng mà nói, có thể có nghĩa này, không nên trong đó, khởi chấp quyết định, các nghiệp phiền não không nhất định và dụng tăng thượng không chung, nên không lập làm căn.

Đã nói nghĩa căn và kiến lập nhân, sẽ nói mỗi mỗi tự thể của các căn trong đây nhân v.v..., cho đến nam căn. Trong phẩm này trước đây, đã nói về tướng các căn kia, nghĩa là thức kia dựa vào năm thứ tịnh sắc, gọi các căn như nhãn căn v.v... hai căn nữ, nam từ một phần khác nhau của thân mà lập. Thể của mạng căn là không tương ưng, nên trong phần không tương ưng sẽ phân biệt rộng. Thể của tín v.v... là pháp tâm sở, nên sẽ phân biệt rộng trong phần pháp tâm sở. Năm thọ như lạc v.v... ba căn vô lậu lại vì không có chỗ nói, nên nay sẽ giải thích. Tụng nói:

*Thân không vui là Khổ
 Nếu vui gọi là Lạc
 Ở ba định tâm vui
 Chỗ khác, gọi là Hỷ.
 Tâm không vui là Ưu
 Xả trong hai chẳng riêng
 Đạo Kiến, Tu, Vô học
 Dựa chín, lập ba căn.*

Luận nói: Thân, là thân thọ, vì dựa vào thân khởi, tức năm thức tương ưng với thọ.

Nói không(vui) vừa ý, là tổn não. Đối với năm thức cùng nhận lãnh trong xúc, thọ, hay tổn não, gọi là khổ căn. Nói vừa ý: Là nghĩa thân nhiếp lợi ích, tức năm thức cùng nhận lãnh trong xúc thọ, hay thân nhiếp lợi ích, tức năm thức đều lãnh xúc thọ nội. Có công năng thu nhiếp, lợi ích gọi là lạc căn. Ba thức trong sơ Tĩnh lực đều là lạc, cũng thuộc về lạc căn này, vì chủng loại đồng, ý thức của tĩnh lực thứ ba cùng

có thọ hay thân nhiếp lợi ích, cũng gọi lạc căn. Địa tĩnh lự kia lại vì thân thức khác không còn, tức ý đều vui thích, lập làm lạc căn. Ý thức cùng sinh thọ vui thích, có hai: Ở định thứ ba, gọi là lạc, vì trong địa này đã lìa tham, hỷ. Trừ định thứ ba, trong ba địa dưới được gọi là hỷ căn. Vì có tham hỷ, nên hai tâm này vui thích, về nghĩa gồm nhiếp lợi ích đồng, Hành tướng có gì khác, được chia làm hỷ, lạc? Vì hành tướng chuyển biến có khác nhau. Nếu có chuyển biến hành yên tĩnh của tâm vui thích gọi là lạc căn. Nếu có chuyển biến hành thô động của tâm vui thích, gọi là hỷ căn. Hoặc lại lạc căn gồm nhiếp lợi ích thù thắng, hỷ căn gồm nhiếp lợi ích thì không đúng. Do lạc ở địa tĩnh lự thứ ba này, các bậc Thánh nói là xứ bị tham đắm vui. Đều có thể thọ tổn não với ý thức, là, tâm không vui thích, gọi là ưu căn.

Đã căn cứ ở hành tướng khác nhau của thọ vui thích, không vui thích của thân, tâm, lập bốn căn thọ.

Nói ở giữa xả hai không có khác nhau: Ở giữa là nghĩa chẳng phải vui thích, chẳng phải không vui thích tức không khổ, vui, gọi là xả căn. Thân, tâm thọ nhận giữa.

Ở đây nhất định là thọ thế nào? Nên nói thọ này chung ở thân tâm

Vì sao khổ, vui đều chia làm hai: không khổ, không vui chỉ lập một căn?

Vì căn này ở thân, tâm không có khác nhau, nghĩa là khổ, vui của tâm phần nhiều gấp rút, dao động. Khổ vui ở thân thì được an trụ. Hành tướng không khổ, không vui ở thân, ở tâm không có khác nhau, chỉ vì an trụ. Lại khổ, vui của tâm phần nhiều sinh là riêng, ở thân thì không như vậy, vì tùy theo sức của cảnh. A-la-hán v.v... cũng sinh như thế, xả ở thân, tâm đều có hành tướng trong lĩnh vực không phân biệt, nhậm vận mà khởi. Lại, cảm thọ khổ, vui ở thân, ở tâm, đối với oán, thân, với hành tướng chuyển biến khác: không khổ, không vui ở thân, tâm, ở cảnh trung dung, hành tướng không có khác.

Cho nên, khổ, vui đều chia làm hai: không khổ, không vui, chỉ lập một căn.

Đã giải thích về thể của các thọ căn như vui v.v... Ba căn vô lậu, nay kế sẽ giải thích.

Không thể nói riêng từng thể của chúng, phải nên căn cứ ở ba đạo, dựa vào chín, lập chung. Năm căn ý, lạc, hỷ, xả, tín.

Trong chín lần ba đạo này, tức là ba vô lậu, nghĩa là ở Kiến đạo. Chín pháp như ý v.v... tức là thể của vị tri, đương tri căn. Là chuyển biến

hành tướng của vị tri, đương tri, nếu ở Tu đạo, thì chín pháp như ý v.v... tức là căn thứ hai thể của dĩ tri căn, vì muốn dứt trừ các tùy miên còn lại nên đối với cảnh dĩ tri, thường lại biết rõ ở đạo Vô học. Chín pháp như ý v.v..., tức là căn thứ ba, thể của cụ tri căn, vì dĩ tri, nên gọi là tri, vì tập tri thành tánh, hoặc vì hay hộ tri, nên gọi là cụ tri, tương ứng với chín căn, hợp thành việc này, nên tám thứ như ý v.v... cũng được tên ấy.

Như thế, tên gọi căn tuy có hai mươi hai nhưng thể các căn chỉ có mười bảy. Hai căn nữ, nam vì thuộc thân căn, ba căn vô lậu thuộc về chín căn.

Như thế, đã giải thích thể, của căn bất đồng, sẽ nói về sự khác nhau của nghĩa loại các môn.

Trong hai mươi hai căn này, có bao nhiêu căn hữu lậu, bao nhiêu căn vô lậu? Tụng nói:

*Chỉ vô lậu, ba sau
Mạng ưu khổ có sắc
Nên biết chỉ hữu lậu
Chín căn khác, gồm hai.*

Luận nói: Kế là phần nói trước: Ba căn sau cùng, thể chỉ vô lậu, là nghĩa vô cấu, cấu và lậu, tên khác, thể đồng. Bảy căn có sắc, mạng và ưu, khổ, hoàn toàn hữu lậu. Bảy căn có sắc: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, nữ, nam căn thuộc về sắc uẩn.

Chín có cả hai: Tức thuộc ba vô lậu đã nói ở trước. Chín căn ý v.v... gọi là vô lậu, chín thứ như ý v.v... khác gọi là hữu lậu.

Có sự khác nói: Năm căn như tín căn v.v... cũng chỉ vô lậu. Kế kinh chỉ nói: Vì Thánh hiện có. Lại, Đức Thế Tôn nói: Nếu hoàn toàn không có năm căn như tín v.v... này, ta sẽ nói Thánh kia ở phẩm phạm phu, ngoại, điều này chẳng phải thật chứng minh là, dựa vào căn vô lậu để nói lên lời này.

Làm sao biết như thế?

Trước đã dựa vào năm căn như tín căn v.v... vô lậu, nhằm kiến lập sự khác nhau của các địa vị Thánh rồi. Vì nói lời nói này, nên hoàn toàn không có thuyết này, thuyết này tức là thuyết nói ở trước, mà Kinh chủ nói là nghĩa căn tín, vô lậu v.v... nếu không vậy, chỉ nên nói không có các căn như tín căn v.v... không nên nói lời này. Hoặc các phạm phu lược có hai loại: Nội phạm và ngoại phạm. Nội là không dứt thiện căn, ngoại là thiện căn đã dứt. Căn cứ ngoại phạm nói như thế, tức nếu hoàn toàn không có năm căn như tín căn v.v... Ta nói bậc Thánh kia trụ ở ngoại phạm.

Là có Khế kinh chứng minh năm căn như tín căn v.v... có cả hữu lậu hay không?

Cũng có.

Thế nào?

Nghĩa là Đức Thế Tôn nói: Ta nếu đối với năm căn như tín căn v.v... chưa biết như thật, là nguyên nhân, mất vị, lỗi lầm, xuất ly, thì chưa có thể vượt qua cõi nhân thiên thế gian này và Phạm ma, cho đến chưa thể chứng đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng chánh giác, cho đến nói rộng. Chẳng phải pháp vô lậu mà phải có sự quán sát lần lượt như thế, lại nói khi Phật chưa chuyển pháp luân, trước Ngài dùng Phật nhãn, quán khắp thế giới, có các hữu tình, sinh ở thế gian, hoặc sinh ra, hoặc lớn lên, có các căn thượng, trung, hạ sai khác. Chưa chuyển pháp luân mà thế gian đã có căn vô lậu thì Như lai xuất thế thành uổng công?!

Nếu ông dẫn ra hai kinh với nghĩa này phân biệt khác, thì ta lại sẽ lấy phân biệt như lý thù thắng hơn để ngăn dứt. Vì thế, năm căn như tín căn v.v... nhất định có cả, hữu lậu.

Như thế đã nói hữu lậu, vô lậu. Trong hai mươi hai căn. Có bao nhiêu căn là dị thực, bao nhiêu căn không phải là dị thực? Tụng nói:

Mạng chỉ là dị thực

Ưu và tám sau không

Sắc. Ý căn bốn thọ.

Thông suốt cả hai loại.

Luận nói: Vả lại, không phân biệt trong các căn này, chỉ là một mạng căn, nhất định là dị thực.

Thế nào mạng này có thể không phân biệt? Mạng căn, quả định chẳng phải dị thực. Như thế mạng căn cũng là dị thực, đặc định bờ mé nên quả Bí-sô ở trong tạng chúng, hoặc có người riêng vì có quả tư, thí, các ngã có thể chiêu cảm dị thực của nghiệp giàu sang, nguyện đều chuyển chiêu cảm dị thực sống lâu? Vì bản luận này nói.

Có thuyết nói: Người kia do sức định bờ mé dẫn lấy sinh trước thuận thọ nghiệp bất định, đã chiêu cảm thọ mệnh, khiến thọ dụng hiện tại. Lại có dục khiến cho sức định bờ mé dẫn quả dị thực còn sót lại của nghiệp đời trước mà Kinh chủ nói do năng lực của thắng định dẫn lấy đại chủng các căn, gọi là mạng sẵn, như sau sẽ phá. Nếu thừa nhận như thế, tùy chấp đại chủng kia làm tánh nuôi lớn v.v... đều không đúng. Vả lại, không nên chấp là tánh nuôi lớn, vì đại chủng kia có công năng ngăn giữ quả dị thực, nên đã đề phòng dị thực, vì đã chuyển hết, vì thế không nên dị thực nối tiếp nhau dứt rồi. Có riêng nuôi lớn, lỗi thái quá,

cũng không nên chấp là tánh đẳng lưu, vì nhãn v.v... không có tánh đẳng lưu riêng. Vì vô ký chẳng phải quả đẳng lưu thiện. Lại, giới lẽ ra thành lỗi tạp loạn, vì thế cũng không nên chấp là tánh dị thực, nhất định chẳng phải là nhân Dị thực cõi Dục.

Lại, Kinh chủ tự chấp nhận việc như thế, nhưng thuyết của Kinh chủ mê lầm khó rõ, mặc tình chỉ bày pháp kia tên là pháp gì mà nói mạng này chẳng phải dị thực ư?

Tôn giả Pháp Thắng nói: Mạng căn này cũng chẳng phải dị thực. Nên luận kia nói: Có mười ba căn, đều có cả hai thứ. Điều này trái với luận này, vì một căn chẳng phải nghiệp là nghiệp dị thực, chín căn chẳng phải nghiệp, chẳng phải nghiệp dị thực, mười hai bất định, ưu căn và tám căn như tín v.v... sau, đều chẳng phải dị thực, là vì hữu ký.

Kinh nói: Có nghiệp thuận với ưu thọ, nghĩa là dựa vào tương ưng thọ nói thuận không có lỗi. Như nói: Có xúc thuận với lạc thọ v.v... Vì sao nhất định cho ưu chẳng phải dị thực, đây là dị thực là.

Không hợp lý?

Không đúng là sao?

Lìa dục tham, nghĩa là không tùy chuyển, dị thực thì không đúng. nếu thừa nhận tùy chuyển, như khổ căn. A-la-hán v.v... cũng có thể biết có, mà thật ra chẳng phải có, vì bị kinh ngăn dứt, như Khế kinh nói: Nếu thấy vị đại sư bát Niết-bàn cũng không có buồn rầu v.v... Lại, vì không có dụng, nên việc thiện cũng không thực hành, không có công năng gồm nhiếp lợi ích, như hỷ căn.

Do tướng nào biết dị thực kia có hỷ vô ký?

Hỷ kia có khi tuy không có tướng ngoài mà có sinh phân biệt bên trong. Hoặc hỷ kia là hỷ thiện chấp nhận có hiện hành, chẳng phải hỷ, ưu căn. Hỷ kia có thể hiện khởi, nên tùy theo tướng thiện biết chính xác vô ký, chẳng phải hỷ vô ký, trái với đạo lìa dục. Lại, A-cấp-ma chứng minh dị thực kia có hỷ, như Khế kinh nói: Đạo lìa dục kia vẫn thọ cảm nhận dị thực hỷ, không nói đạo kia có ưu căn của phẩm khác, nên biết được ưu căn vượt qua pháp dị thực. Căn khác có cả hai nghĩa, so sánh đã thành, nghĩa là ý căn của bảy sắc, trừ ưu, bốn thọ khác, mười hai mỗi mỗi đều có cả hai loại. Bảy căn có sắc, nếu đã nuôi lớn, thì chẳng phải dị thực, khác đều dị thực. Ý và bốn thọ, nếu thiện, nhiễm ô, hoặc đường oai nghi và xử công xảo và công năng biến hóa, tùy theo đối tượng thích hợp của các pháp đó cũng chẳng phải dị thực, khác đều dị thực.

Như thế, đã nói là dị thực v.v.... Trong hai mươi hai căn, bao nhiêu có dị thực, bao nhiêu không có dị thực? Tụng nói:

*Ưu nhất định dị thực
Tám trước, ba sau không
Ý và thọ tín căn ...
Mỗi mỗi đều có hai.*

Luận nói: Như thuyết trước đã nói: Ưu căn, nên biết nhất định có dị thực. Nói nhất định, ý nêu rõ chỉ có chẳng phải không có, ngăn dứt chẳng phải nhân Dị thực, vô lậu, vô ký, chẳng phải vì biểu thị chỉ ưu căn này là có dị thực, chớ có lỗi cho tất cả căn khác đều không có dị thực, nên chỉ bày tỏ ưu chỉ có dị thực.

Vượt thứ lớp mà nói: Biểu thị vô ký, vô lậu, hoặc chung, hoặc riêng, đều không có nhân Dị thực, chẳng phải như trong đây, hữu ký, hữu lậu, phải là chung, mới là có nhân Dị thực, nên vượt thứ lớp mà nói, rất là có tác dụng. Tám thứ trước như nhãn v.v... và ba thứ sau cuối. Mười một căn này nhất định không có dị thực, vì tám vô ký, vì ba vô lậu, khác đều có cả hai. Chuẩn y nghĩa đã thành, nghĩa là ý căn, và bốn thọ còn lại, nói tín v.v... nhận lấy bốn căn như tinh tiến v.v... mười căn này, mỗi căn đều có cả hai loại: Ý lạc, hỷ xả, nếu bất thiện, thiện hữu lậu thì có dị thực hoặc vô ký, vô lậu, vô dị thực. Khổ căn, nếu thiện, bất thiện thì sẽ có dị thực, nếu vô ký, thì không có dị thực.

Năm căn như tín v.v... nếu hữu lậu thì có dị thực, nếu vô lậu thì không có dị thực.

Như thế, đã nói có dị thực v.v... Trong hai mươi hai căn, có bao nhiêu thiện căn, bao nhiêu căn bất thiện, bao nhiêu căn vô ký? Tụng nói:

*Tám căn sau, chỉ thiện
Ưu có thiện, bất thiện
Ý, thọ khác, ba thứ
Tám trước, chỉ vô ký.*

Luận nói: Năm căn như tín căn v.v... và ba vô lậu, hoàn toàn là thiện. Kế dù ở sau, nhưng vì nhân trước thuận tiện, nên nói ở đầu. Ưu căn chỉ có tánh thiện, bất thiện, ý và bốn thọ đều có cả ba tánh, tám căn như nhãn căn v.v... chỉ là vô ký.

Như thế, đã nói thiện, bất thiện v.v... Trong hai mươi hai căn, có bao nhiêu căn hệ thuộc cõi Dục? Bao nhiêu căn hệ thuộc cõi Sắc, hệ thuộc cõi Vô sắc. Tụng nói:

*Cõi Dục, Sắc, Vô sắc
Thứ lớp, trừ ba sau
Gồm nữ, nam ưu, khổ*

Và sắc hỷ, lạc, khác.

Luận nói: Cõi Dục, trừ ba căn vô lậu sau. Do ba căn kia vì chỉ không hệ thuộc, nên so sánh biết hệ thuộc cõi Dục có mười chín căn còn lại, cõi Sắc, trừ ba vô lậu như trước, gồm trừ bốn căn: Nam, nữ, ưu, khổ. So sánh biết mười lăm căn cũng là chung hệ thuộc cõi Sắc. Trừ nam, nữ, nghĩa là cõi Sắc vì đã lìa pháp dâm dục, nên trừ căn này, không nhân gì cần thọ dụng nữa.

Có thuyết nói: Do thế mà thân này xấu xí. Thuyết này không đúng, vì âm tàng ẩn mật, chẳng phải xấu xí. Thuyết trước nói là tốt. Nhưng Đức Phật đặt ra thuyết kia ở trong phẩm nam, như Khế kinh nói: Không có chỗ nào không chấp nhận thân nữ làm Phạm, có chỗ, có chấp nhận nam làm Phạm, nghĩa là lìa dục, với oai nghi mạnh mẽ, giống như tác dụng của nam, như có lời khen ngợi vua Đại Phạm:

*Đại Phạm, như trượng phu
Chỗ được đều đã được
Đạo lìa dục mạnh mẽ
Nên gọi là trượng phu.*

Trừ khổ căn: Trong cõi Sắc, vì không có sự tổn hại, nên khổ là tổn hại vì nghiệp dị thực.

Có thuyết nói: Thân kia vì rất tịnh diệu, nên trừ ưu căn, nghĩa là ở chỗ kia vì không có tướng trái nghịch. Lại, vì Xa-ma-tha thấm nhuần nối tiếp nhau.

Có thuyết nói: Cõi Sắc lìa dục đủ trí lìa dục, vì ưu là quả đẳng lưu vô trí. Vô sắc, như trước trừ ba vô lậu, ưu, khổ nữ, nam, và trừ năm sắc và hỷ, lạc căn, căn cứ biết tám căn còn lại, đều hệ thuộc cõi Vô sắc.

Như thế, đã nói hệ thuộc cõi Dục v.v... Trong hai mươi hai căn, có bao nhiêu căn thuộc Kiến đạo đoạn? Bao nhiêu căn thuộc Tu đạo đoạn? Bao nhiêu căn thuộc phi sở đoạn? Tụng nói:

*Ý ba thọ đều ba
Ưu: Kiến, Tu đạo đoạn
Chín, chỉ Tu đạo đoạn
Năm Tu, Phi ba Phi.*

Luận nói: Ý, hỷ, lạc, xả, mỗi thứ có cả ba. Ưu căn chỉ có là kiến, Tu đạo đoạn, vì chẳng phải vô lậu. Bảy căn sắc và mạng, khổ căn chỉ là Tu đạo đoạn, có sắc không nhiễm, vì chẳng phải sáu sinh, chẳng phải vô lậu. Năm căn như tín căn v.v... hoặc do Tu đạo đoạn, hoặc phi sở đoạn, vì có cả thiện hữu lậu và vô lậu, ba căn sau cùng chỉ là phi sở đoạn, đều là pháp không có lỗi của vô lậu.

Há không là Thánh đạo cũng được đoạn?

Như Khế kinh nói: Nên biết Thánh đạo giống như thuyền, bè, pháp còn nên đoạn, huống chi là phi pháp.

Đây chẳng phải sở đoạn của hai đạo kiến, tu, nhập Niết-bàn vô dư y, vì lúc xả nên gọi đoạn.

Đã nói về sự khác nhau của các loại nghĩa môn. Sẽ nói đầu tiên, được các căn dị thực.

Có bao nhiêu căn dị thực? Ở cõi nào, đầu tiên được? Cần hỏi đầu tiên được căn dị thực, vì ngăn dứt tâm không nhiễm, có thể nối tiếp sự sinh. Tụng nói:

Thai, noãn, thấp, cõi Dục

Đầu được hai dị thực

Hóa sinh sáu, bảy, tám

Sắc sáu, Vô sắc mạng.

Luận nói: Thai, noãn, thấp sinh cõi Dục, phần vị thọ sinh đầu tiên chỉ được hai căn dị thực của thân và mạng. Xét về hành tướng mà nói: Phần vị sơ sinh này cũng có đủ được chủng tử của mắt v.v... Nhưng chỉ thân căn, chủ thể sinh tự thức, vì mắt v.v... không đúng, nên chỉ nói hai, hoặc người mù bẩm sinh v.v... Vào lúc nối tiếp sinh, không có căn như nhãn v.v... chỉ có hai này.

Lời nói này phi lý. Vì sao? Vì lúc mới nối tiếp sinh không có năm thức,. Nêu thai, noãn, thấp, nhằm chỉ rõ trừ hóa sinh, hóa sinh sắc căn không có khởi dần. Ở đây, nói về dị thực, không nói khi ý xả, định kia nhiễm, vì chẳng phải dị thực. Lúc ấy, cũng được các căn như tín v.v... vì chẳng phải dị thực. Bấy giờ, cũng được các căn như tín căn v.v... vì chẳng phải dị thực. Trong đây, không nói phần vị yết-la-lam, mặc dù đã được pháp dị thực sinh, sắc v.v... nhưng thể chẳng phải căn, vì thế ở đây không nói.

Phần vị đầu tiên hóa sinh, được sáu, bảy, tám, vô hình được sáu, như lúc kiếp sơ.

Sáu, nghĩa là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, mạng, một hình được bảy, như chư thiên v.v... hai hình được tám, đường ác chấp nhận có hóa sinh hai hình, ở cõi Sắc, đầu tiên được sáu, như muốn hóa sinh vô hình tức là nói bên trên: Chỉ có mạng, nghĩa là cõi Vô sắc, vì định sinh đều thù thắng, nên gọi là trên. Cõi Vô sắc kia, đầu tiên, chỉ được mạng căn dị thực. Do đó chứng biết mạng căn thật có. Nếu mạng căn này chẳng phải có vì được căn nào, gọi là sinh Vô sắc?

Vì chẳng phải thiện, nhiễm ô, gọi là nghiệp quả sinh, vì chưa thọ

nhận sự sinh kia, chấp nhận hiện khởi. Lại, tâm dị thực không có lý nối tiếp sinh, chỉ thừa nhận tâm nhiễm, vì khả năng nối tiếp sinh, nên quá khứ, vị lai chẳng có luận, bấy giờ, dị thực ba đời đều không có. Dị thực đã không có, thì sự sinh sẽ căn cứ vào đâu để nói? Mặc dù rong ruổi chấp giả dối để lập tông chỉ của mình, phải thừa nhận có sự sinh dựa vào pháp thật, nói là căn dị thực đầu tiên được rồi, sẽ nói các căn được diệt sau cùng.

Lúc chết của giới nào? có bao nhiêu căn diệt sau? Tụng nói:

Lúc chết các căn diệt

Vô sắc ba, sắc tám

Dục nhanh: mười, chín, tám

Chậm bốn. Thiện tăng năm.

Luận nói: Tạm thời, nói tâm nhiễm ô và tâm vô ký, ngay lúc chết, căn diệt nhiều, ít. Nghĩa là cõi Vô sắc, khi sắp chết, ba căn mạng ý, xả, diệt ở sau cùng, Vô sắc chỉ có xả thọ, chẳng phải thứ khác. Lại, Vô sắc nói: Ngăn dứt hữu sắc kia.

Có sư khác nói: Vì hữu sắc kia, nếu không nói là vật có thật, thì dị thực nào của mạng căn đoạn, gọi Vô sắc chết? Nếu nói về dị thực bốn uẩn dứt, nên Vô sắc kia gọi chết, thì tâm thiện, nhiễm ô sẽ biểu hiện ở phần vị trước, nên cũng gọi chết? Nếu nói dị thực mà địa Vô sắc kia đã thọ cũng chưa hết ấy, thì sao không thọ nhận mà có lúc hết, tâm thiện, nhiễm ô biểu hiện ở phần vị trước nên nói Vô sắc kia đã cảm thọ dị thực của nghiệp nào?

Chẳng phải không biểu hiện ở trước mà có thể gọi là thọ? Nếu cho rằng, với tập khí dị thực của Vô sắc kia thường tùy chuyển, nên được gọi là thọ, về lý cũng không đúng, vì chấp là tập khí chẳng cực thành, vì phạm lỗi lớn, vì dù dị thực đã hết, nhưng tập khí vẫn còn đeo đuổi, như tập khí nghiệp lẽ ra không có lúc chết. Nếu dị thực đã hết, không có tập khí ấy, thì nghiệp cũng sẽ không nên còn sót lại tập khí. Nếu nói tập khí đối với hiện dị thực như ta đã thấy, thì lẽ ra như ta được dị thực không khởi, thì tập khí sẽ không có.

Lại, chẳng phải tập khí dị thực chuyển biến theo, gọi thọ dị thực, vì chẳng phải tánh dị thực.

Lại, tập khí mà ông đã chấp, về mặt lý không có (sau sẽ nói rộng), nên nhất định phải thừa nhận, từ tâm nối tiếp sinh, đến tâm lúc chết, đã có riêng pháp thật, được gọi là dị thực thường chuyển nối tiếp nhau. Vô sắc kia, nếu khi đoạn, gọi là Vô sắc chết. Cõi Sắc khi chết, tám căn sẽ diệt sau, nghĩa là năm thứ như nhãn v.v... và ba căn trước. Sự sống

chết của hóa sinh, vì căn không thiếu, nên khi sắp chết ngay mười, chín, tám, diệt. Hai hình, mười diệt, nghĩa là căn nữ, nam và trước nói tám, một hình, chín diệt, vô hình tám diệt. Nếu khi chết dần dần bốn căn là thân, mạng, xả, ý sẽ diệt sau. Bốn căn này tất nhiên không có nghĩa diệt trước, sau. Nếu ở ba cõi, lúc tâm thiện chết, thì số trong tất cả phần vị đều tăng năm, tâm thiện, tất nhiên có các căn như tín căn v.v... nghĩa là ở Vô sắc, tăng đến tám căn, cho đến cõi Dục, giảm dần, sau cùng đến chín.

Lại, nên tư duy, lựa chọn trong hai mươi hai căn, có bao nhiêu căn có thể chứng đắc quả Sa-môn nào? Mặc dù quả Sa-môn chẳng phải căn, cũng vẫn được.

Ở đây, vì nói về căn, nên chỉ hỏi các căn. Tụng nói:

*Chín được hai quả bên
Bảy, tám, chín hai giữa
A-la-hán mười một
Dự chứng quả nói vậy.*

Luận nói: Bên, nghĩa là quả Dự lưu, A-la-hán. Giữa là Nhất lai và quả Bất hoàn. Vả lại, quả Dự lưu do chín căn được, nghĩa là ý, xả, tín v.v... và hai căn vô lậu đầu tiên. Quả này và hưởng, vì thuộc về địa Vị chí, nên chỉ có xả.

Đây, do dĩ tri căn được là thế nào?

Do ly hệ đắc, và cùng lúc khởi với đạo Giải thoát. Nếu vậy, thì vì sao chỉ nói đạo Vô gián có thể được quả ly hệ (lìa trói buộc)?

Vì chỉ đạo này có thể đoạn lìa trói buộc, được sinh có thể chường đắc. Do đó, nên nói ly hệ đắc kia, chỉ là quả sĩ dụng đẳng lưu của đạo Vô gián.

Nếu vậy, thì đạo Giải thoát đối với quả và đắc có công năng gì?

Ly hệ và năng đắc do đạo Vô gián vì chẳng phải quả này.

Có thuyết nói: Vì đạo Vô gián là quyến thuộc của đạo Giải thoát, nên việc làm cả đạo Vô gián tức gọi việc làm của đạo Giải thoát, như việc của quan, được mệnh danh việc của vua.

Các sư phương Tây nói: Đạo Giải thoát đối với ly hệ đắc, vì khả năng tác chứng.

Thuyết này không đúng. Sự lìa trói buộc, lẽ ra là quả của đạo Giải thoát kia (sau sẽ nói rộng). Nay, lược giải thích: Mặc dù đạo Giải thoát đối với quả Sa-môn chẳng phải nhân Đồng loại, nhưng vì là nhân Câu hữu, tương ứng, nên gọi chứng đắc quả Sa-môn kia, cũng không có lỗi, vì thể Sa-môn lại nương tựa lẫn nhau mà được sinh, nên lần lượt đối

nhau làm quả sĩ dụng.

Cái gì lại có thể ngăn dứt nếu nói gia hạnh, vô gián, thắng tiến, lẽ ra cũng như thế, thì thừa nhận cũng không có lỗi. Hoặc vì dĩ tri căn cũng là nhân Đồng loại, có công năng được quả Dự lưu, nghĩa là khi chuyển căn, như A-la-hán căn cứ sự chấp nhận đó, có thuyết nói cũng không có lỗi. Quả A-la-hán cũng được chín căn, nghĩa là hai vô lậu sau như ý, tín v.v... thuận theo lấy một thứ trong lạc, hỷ, xả. Quả này và Hưởng đều thuộc về chín địa, nên đối với ba thọ, thuận theo nhận lấy một. Hai quả trung gian, mỗi quả đều có bảy, tám, chín đắc đạo thế gian, xuất thế gian theo thứ lớp mà vượt qua, vì chứng khác nhau. Và lại, quả Nhất lai chứng theo thứ lớp, nghĩa là căn cứ ở đạo thế gian, do bảy căn đắc, nghĩa là ý và xả, năm căn như tín căn v.v... nương tựa đạo xuất thế, do tám căn đắc, nghĩa là tức bảy căn trước và dĩ tri căn thứ tám, đã lià dục tham, siêu việt chứng, như quả Dự lưu, do chín căn được chứng quả Bất hoàn, nên biết cũng như thế. So sánh chung, dù như thế, nhưng vẫn có khác nhau.

Hoàn toàn lià tham dục, siêu việt chứng, nghĩa là dựa vào địa riêng, nên ba thọ tùy theo một. Chứng theo thứ lớp: Nếu ở trong đạo Giải thoát thứ chín, nhập địa căn bản, căn cứ đạo thế gian, do tám căn đắc, hỷ là thứ tám. Dựa vào đạo xuất thế, do chín căn được, dĩ tri là thứ chín. Nếu A-la-hán, cũng chín căn được, trái với luận Phát Trí Luận ấy hỏi:

Hỏi: Có bao nhiêu căn được A-la-hán?

Đáp: Vì có mười một, nên ba thọ nhất định không cùng lúc khởi, chỉ do chín đắc. Nói mười một căn là dựa vào chấp nhận có thuyết nói: Nghĩa là chấp nhận có một Bồ-đặc-già-la, từ địa vị Vô học, chẳng thường thoái lui rồi, do số lạc, hỷ, xả, lại đắc trở lại. Chẳng phải quả Bất hoàn có đồng với lỗi này, vì thứ lớp không có chấp nhận đắc của lạc căn, vì siêu việt không chấp nhận, có thoái lui, lại nên tư duy lựa chọn.

Thành tựu căn nào? Trong các căn kia, có bao nhiêu căn nhất định thành tựu? Tụng nói:

*Thành tựu mạng, ý, xả
 Điều định thành tựu ba
 Nếu thành tựu thân lạc
 Điều định thành tựu bốn.
 Thành tựu nhĩn và hỷ
 Điều định thành năm căn*

*Nếu thành tựu khổ căn
 Đều định thành tựu bảy.
 Nếu thành ưu, nữ, nam
 Đều thành tám như tín...
 Hai vô lậu mười một
 Vô lậu đầu, mười ba.*

Luận nói: Trong mạng, ý, xả, tùy theo thành tựu bất cứ một pháp nào. Định kia, thành tựu ba căn như thế, chẳng phải trong ba căn này, có thiếu thành tựu, đều khắp tất cả địa và vì nương tựa. Năm căn như tín căn v.v... khắp tất cả địa, chẳng phải tất cả nương tựa. Mười bốn căn còn lại, vì hai căn đều chẳng khắp, nên thành mạng v.v... chỉ nhất định thành tựu ba, ngoài ra hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Thế nào là thành tựu bốn căn như nhãn căn v.v...?

Sinh cõi Sắc hoàn toàn, thân căn sinh phần ít cõi Dục, ở cõi Dục, sắc hoàn toàn nữ, nam sinh, lạc căn sinh phần ít cõi Dục. Ở ba định dưới cõi Dục và Thánh sinh, hỷ căn trên sinh, ở hai định dưới cõi Dục và Thánh sinh, sinh khổ trên.

Cõi Dục hoàn toàn ưu, tham dục chưa lìa. Năm căn như tín v.v... nếu không đoạn thiện, ba căn vô lậu đã được chưa xả. Các vị như thế, đều nhất định thành tựu. Trừ vị khác, này, nhất định không thành tựu. Nếu thành tựu lạc căn, nhất định thành tựu bốn, nghĩa là mạng, ý, xả, lạc. Nếu thành thân căn, cũng nhất định thành bốn, nghĩa là mạng, ý, xả, thân. Khác, hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu, trước nên tư duy.

Nếu thành tựu nhãn căn, nhất định thành tựu năm, đó là mạng, ý, xả, thân, nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt căn, nên biết cũng có năm. Bốn thứ trước như nhãn, thân căn thứ năm.

Nếu thành tựu hỷ căn, cũng nhất định thành tựu năm, nghĩa là mạng, ý, xả, lạc căn, hỷ căn, sinh định thứ hai, chưa lìa tham cõi Dục kia, chỉ thành lạc thọ nhiệm ô thứ ba.

Nếu thành tựu khổ căn thì nhất định thành tựu bảy, nghĩa là thân, mạng, ý, bốn thọ, trừ ưu.

Nếu thành tựu nữ căn, thì nhất định sẽ thành tựu tám, bảy như nói khổ, nữ căn thứ tám, ưu của nam cũng tám. Bảy như nói khổ, thân căn thứ tám, tín v.v... cũng tám, nghĩa là mạng, ý, xả, năm căn như tín căn v.v...

Nếu nữ, nam căn đều cùng thành tựu, thì hai kia nhất định thành mười lăm.

Nếu thành tựu cụ tri căn thì nhất định thành tựu mười một, nghĩa là mạng và ý, lạc, hỷ, xả căn, năm căn như tín căn v.v... và cụ tri căn, dĩ tri căn cũng như thế. Thứ mười một thân căn.

Nếu thành vị tri căn, thì nhất định thành tựu mười ba, nghĩa là thân, mạng, ý, khổ, lạc, hỷ, xả. Năm căn như tín căn v.v... và vị tri căn, dần dần phần vị mạng chung.

Theo truyền thuyết: Vì tâm sâu xa nhầm chán sinh tử, nên nhập Kiến đạo.

Như thế là đã nói về phần vị định thành tựu Bồ-đặc-già-la nhất định thành. Sẽ nói các thành tựu rất ít, thành tựu bao nhiêu căn? Tụng nói:

*Rất ít, tám vô thiện Thành thọ, thân, mạng,
ý Ngu sinh cõi Vô sắc Thành thiện, mạng,
ý, xả.*

Luận nói: Thiện căn đã dứt gọi là vô thiện. Nếu việc thiện kia rất ít, thì sẽ thành tựu tám căn, nghĩa là năm thọ căn và thân, mạng, ý. Căn cứ xả dần mạng, chỉ thân căn khác.

Ngu, là phàm phu, vì chưa kiến đế. Người ngu kia sinh Vô sắc, cũng thành tám căn, nghĩa là năm căn như tín căn v.v... và mạng, ý, xả. Vì số nhất định và vì nói ngu, nên nói thiện, không quá lạm ba căn vô lậu.

Nhiều nhất thành tựu bao nhiêu căn? Tụng nói:

*Nhiều nhất, thành mười chín Hai hình, trừ ba
tịnh
Bậc Thánh chưa lìa dục Trừ hai tịnh, một
hình.*

Luận nói: Các người hai hình, đủ các căn như mắt v.v... trừ ba vô lậu, thành mười chín còn lại. Vô lậu gọi là tịnh, vì lìa hai trói buộc. Nếu bậc Thánh Hữu học, chưa lìa dục tham, thì thành tựu rất nhiều, cũng đủ mười chín, trừ hai vô lậu và trừ một hình. Hai vô lậu, là Cụ tri căn, hai căn trước, tùy một, nói một hình, nghĩa là không có hai hình và vô hình, vì được pháp Thánh.

